

Số: 20 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

**Phê chuẩn số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử
và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2011 - 2016**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 1018 NQ/UBTVQH12 ngày 21 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội công bố ngày bầu cử và thành lập Hội đồng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2011 - 2016, như sau:

1. Số đơn vị bầu cử là 21 (hai mươi một), danh sách các đơn vị và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử (có danh sách kèm theo).
2. Số lượng đại biểu được bầu là 72 (bảy mươi hai) đại biểu.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./. "

Nơi nhận:

- Hội đồng bầu cử;
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Bộ Nội vụ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ: TH, PL;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b). KH 28

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

**Đơn vị bầu cử và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhiệm kỳ 2011 - 2016**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20 /NQ-CP
ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ)

TT	ĐƠN VỊ BẦU CỬ	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	SỐ ĐẠI BIỂU ĐƯỢC BẦU Ở MỖI ĐƠN VỊ BẦU CỬ
1	Số 1	Thành phố Hạ Long (gồm các phường: Hong Gai, Bạch Đằng, Yết Kiêu, Trần Hung Đạo, Cao Xanh, Cao Thắng, Hà Khánh)	5
2	Số 2	Thành phố Hạ Long (gồm các phường: Hong Hai, Hong Hà, Hà Tu, Hà Lâm, Hà Trung, Hà Phong)	4
3	Số 3	Thành phố Hạ Long (gồm các phường: Bãi Cháy, Giếng Đáy, Hà Khẩu, Hùng Thắng, Tuần Châu, Việt Hưng, Đại Yên)	4
4	Số 4	Thành phố Móng Cái (gồm các phường: Ka Long, Trần Phú, Ninh Dương, Hòa Lạc, Trà Cổ và các xã: Hải Sơn, Bắc Sơn, Hải Đông, Hải Tiến)	3
5	Số 5	Thành phố Móng Cái (gồm các phường: Hải Yên, Hải Hòa và các xã: Quảng Nghĩa, Hải Xuân, Vạn Ninh, Bình Ngọc, Vĩnh Trung, Vĩnh Thực)	3
6	Số 6	Thành phố Uông Bí (gồm các phường: Vàng Danh, Bắc Sơn, Trung Vương, Nam Khê, Yên Thanh và xã Thượng Yên Công)	3
7	Số 7	Thành phố Uông Bí (gồm các phường: Quang Trung, Thanh Sơn và các xã: Phương Đông, Phương Nam, Diên Công)	4

8	Số 8	Thị xã Cẩm Phả (gồm các phường: Quanh Hanh, Cẩm Thạch, Cẩm Thủy, Cẩm Trung, Cẩm Thành, Cẩm Tây, Cẩm Đông, Cẩm Bình và xã Dương Huy)	5
9	Số 9	Thị xã Cẩm Phả (gồm các phường: Cẩm Sơn, Cẩm Phú, Cẩm Thịnh, Cửa Ông, Mông Dương và các xã: Cẩm Hải, Cộng Hòa)	5
10	Số 10	Huyện Đông Triều (gồm các xã: Nguyễn Huệ, Bình Dương, Thủy An, Hồng Phong, An Sinh, Tân Việt, Việt Dân, Bình Khê, Trảng Lương, Đức Chính, Trảng An, Hưng Đạo và thị trấn Đông Triều)	4
11	Số 11	Huyện Đông Triều (gồm các xã: Hồng Thái Tây, Hồng Thái Đông, Xuân Sơn, Kim Sơn, Yên Thọ, Yên Đức, Hoàng Quế và thị trấn Mạo Khê)	5
12	Số 12	Huyện Yên Hưng (gồm các xã: Liên Vị, Tiên Phong, Liên Hòa, Phong Hải, Phong Cốc, Cẩm La, Yên Hải, Nam Hòa, Yên Giang, Hiệp Hòa, Sông Khoai và thị trấn Quảng Yên)	4
13	Số 13	Huyện Yên Hưng (gồm các xã: Cộng Hòa, Tiên An, Tân An, Hà An, Hoàng Tân, Minh Thành, Đông Mai)	4
14	Số 14	Huyện Hải Hà	3
15	Số 15	Huyện Hoành Bồ	3
16	Số 16	Huyện Tiên Yên	3
17	Số 17	Huyện Vân Đồn	2
18	Số 18	Huyện Đầm Hà	2
19	Số 19	Huyện Bình Liêu	2
20	Số 20	Huyện Ba Chẽ	2
21	Số 21	Huyện Cô Tô	2